

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2016/QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Luật: tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013; bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở; số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 60/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 quy định nội dung chi, mức chi

xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp; số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê; số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư liên tịch: số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức; số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; số 66/2012/TTLT-BTC-BGDDT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi olympic quốc tế và khu vực; số 225/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015; số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng

Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe; số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 20 về quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp và Sở Tài chính tại Tờ trình số 6130/TTr-STP-STC ngày 13 tháng 11 năm 2015 và Tờ trình số 84/TTr-STP-PBGDPL ngày 07 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (Mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 72/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11

năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ; Bộ Tư pháp;
 - Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Thành ủy; Thường trực HĐND TP;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội TP; TTUB: CT, các PCT;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam TP và các Đoàn thể TP;
 - Đảng ủy Khối Dân - Chính - Đảng TP;
 - Văn phòng Thành ủy; Các ban Thành ủy:
- Nội chính, Tuyên giáo, Dân vận;
- Tòa án nhân dân TP, Viện kiểm sát nhân dân TP;
 - Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND TP;
 - Hội Luật gia TP; Đoàn Luật sư TP;
 - VPUB: CVP, các PVP;
 - P.TCTMDV; P.PCNC; Trung tâm Tin học;
- Trung tâm Công báo; Báo Sài Gòn Giải Phóng;
- Ban biên tập HCM CityWeb và Trang thông tin điện tử Đảng bộ TP;
 - Lưu: VT, (NC/TrH) 75

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

**Một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2016 /QĐ-UBND
ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn một số mức chi cụ thể thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải và hòa giải viên; kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng

Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành và được tổng hợp vào dự toán hàng năm của cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và theo Quy định này.

**Chương II
CÁC NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI CỤ THỂ**

Điều 4. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

1. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn có cấp chứng chỉ, có thêm mục chi cho việc biên soạn đề thi, đáp án, chấm thi và in ấn chứng chỉ.

2. Đối với đào tạo thuộc các chương trình, đề án, kế hoạch về hòa giải cơ sở:

Việc hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ, đi lại cho học viên bao gồm: cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ (theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP), hòa giải viên và các đối tượng khác là những người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, cá nhân có uy tín trong cộng đồng dân cư tham gia hòa giải ở cơ sở thực hiện theo mức chi hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ: Thực hiện thanh toán theo thực tế nhưng không được vượt quá mức khoán chi thuê phòng nghỉ quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 2 Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

b) Phụ cấp lưu trú: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 2 Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

c) Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 50.000 đồng/ngày/học viên.

d) Hỗ trợ tiền phương tiện đi lại: 50.000 đồng/lượt/học viên.

Điều 5. Chi biên soạn, biên dịch, phát hành tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở

Chi biên soạn, in, phát hành hoặc đăng tải trên website, trang tin điện tử các loại sách, tài liệu pháp luật, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở (sách pháp luật phổ thông, tình huống giải đáp pháp luật, tờ gấp pháp luật, câu chuyện pháp luật, tiểu phẩm pháp luật và các tài liệu khác phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở), bao gồm:

1. Chi biên soạn bài giảng, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở:

a) Chi viết tài liệu: 70.000 đồng/trang chuẩn.

b) Chi sửa chữa, biên tập tổng thể: 25.000 đồng/trang chuẩn.

- c) Chi thẩm định nhận xét: 35.000 đồng/trang chuẩn.
2. Chi biên soạn sách, tài liệu hệ thống hóa các văn bản pháp luật:
- a) Chi viết tài liệu: 45.000 đồng/trang chuẩn.
- b) Chi sửa chữa, biên tập tổng thể: 25.000 đồng/trang chuẩn.
- c) Chi thẩm định nhận xét: 20.000 đồng/trang chuẩn.
3. Chi xây dựng tình huống giải đáp pháp luật (*bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định*): 300.000 đồng/tình huống đã hoàn thành.
4. Chi xây dựng tờ gấp pháp luật (*bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định*): 1.000.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.
5. Chi xây dựng câu chuyện pháp luật (*bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định*): 1.500.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành.
6. Chi xây dựng tiểu phẩm pháp luật (*bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia*): 5.000.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.
7. Chi biên dịch các tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở sang tiếng dân tộc thiểu số, sang tiếng nước ngoài và ngược lại:
- a) Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU sang Tiếng Việt: tối đa không quá 120.000 đồng/trang (*350 từ*).
- b) Tiếng Việt sang Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU: tối đa không quá 150.000 đồng/trang (*350 từ*).
- Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông, tiếng dân tộc thiểu số: mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch nêu trên.
8. Chi in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng, đĩa phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, tập san, bản tin, thông tin lưu động về hòa giải ở cơ sở thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm, trường hợp thuộc diện phải đấu thầu thì thực hiện theo quy định về đấu thầu.
9. Chi hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ phát lại các chương trình, chuyên mục hòa giải ở cơ sở trên sóng phát thanh, truyền hình thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 225/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT:
- a) Chi biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh: 75.000 đồng/trang (*tính theo trang chuẩn 350 từ*).

b) Chi bồi dưỡng phát thanh bằng tiếng Việt: 15.000 đồng/lần;

c) Chi bồi dưỡng phát thanh bằng tiếng dân tộc: 20.000 đồng/lần.

Điều 6. Chi tổ chức cuộc thi về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở

1. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở được thực hiện theo mức chi tổ chức cuộc thi, hội thi quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT. Một số mức chi cụ thể như sau:

a) Biên soạn, thẩm định, duyệt đề thi:

- Biên soạn đề thi: Đối với đề thi trắc nghiệm: từ 10.000 đến 64.000 đồng/câu (tùy theo tính chất phức tạp của câu trắc nghiệm); đối với đề thi viết, thi sân khấu hóa: 735.000 đồng/đề thi.

- Thẩm định, duyệt đề thi trắc nghiệm: từ 10.000 đến 56.000 đồng/câu (tùy theo tính chất phức tạp của câu trắc nghiệm).

b) Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng ra đề thi:

- Chủ tịch: 245.000 đồng/người/ngày.

- Phó Chủ tịch: 196.000 đồng/người/ngày.

- Ủy viên, thư ký: 161.000 đồng/người/ngày.

c) Chi bồi dưỡng chấm thi:

- Chấm thi trắc nghiệm: 245.000 đồng/người/ngày.

- Chấm thi viết: 63.000 đồng/người/bài.

- Chấm thi sân khấu hóa: 2.000.000 đồng/người/ngày.

d) Chi tổ chức coi thi:

- Chủ tịch: 185.000 đồng/người/ngày.

- Phó Chủ tịch: 175.000 đồng/người/ngày.

- Ủy viên, thư ký: 147.000 đồng/người/ngày.

đ) Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức (Trưởng ban, Phó Trưởng ban, ủy viên, thư ký), thành viên hội đồng thi (ban giám khảo, ban giám thị...) trong những ngày tổ chức cuộc thi: 40.000 đồng/người/buổi.

Thành viên ban tổ chức đã được hưởng khoản hỗ trợ này thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan.

e) Chi hỗ trợ tiền ăn cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và ngày thi, tối đa không quá 10 ngày) là 40.000 đồng/người/buổi. Thí sinh tham gia cuộc thi hưởng khoản hỗ trợ này là người không hưởng lương từ ngân sách.

Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho thí sinh tham gia cuộc thi theo mức thanh toán khoán hoặc theo hóa đơn thực tế quy định về chế độ thanh toán tiền công tác phí nêu tại Khoản 4, Điều 2 Thông tư 97/2010/TT-BTC.

g) Chi bồi dưỡng ban tổ chức:

- Trưởng ban: 196.000 đồng/người/ngày.

- Phó Trưởng ban: 161.000 đồng/người/ngày.

- Thư ký, giám thị: 112.000 đồng/người/ngày.

h) Một số mức chi đặc thù đối với cuộc thi sân khấu, thi trên internet:

- Thuê người dẫn chương trình: tối đa 2.000.000 đồng/người/ngày.

- Chi thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: tối đa 10.000.000 đồng/ngày. Riêng đối với cuộc thi sân khấu (*phổ biến, giáo dục pháp luật*) quy mô cấp thành phố, tùy thuộc vào tính chất cuộc thi, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định và chịu trách nhiệm về mức thuê hội trường, quyết toán theo thực tế, đúng thủ tục quy định của cơ quan tài chính có thẩm quyền.

- Thuê văn nghệ, diễn viên: tối đa 300.000 đồng/người/ngày.

- Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (*đối với cuộc thi qua mạng điện tử*): thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC.

i) Chi giải thưởng: thực hiện theo quy định tại phụ lục của Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

2. Các khoản chi khác căn cứ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

Điều 7. Chi tổ chức bầu hòa giải viên

1. Chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu phục vụ việc bầu hòa giải viên: căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên: 10.000 đồng/người/buổi.

3. Chi bồi dưỡng thành viên ban tổ chức bầu hòa giải viên tham gia họp chuẩn bị cho việc bầu hòa giải viên: 70.000 đồng/người/buổi.

Điều 8. Chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải

1. Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 200.000 đồng/vụ, việc/tổ hòa giải.

2. Chi hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: Mức chi bằng 05 tháng lương cơ sở.

3. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 100.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

Điều 9. Chi tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động hòa giải ở cơ sở; chi tổ chức các cuộc họp triển khai chương trình, đề án, kế hoạch công tác hòa giải ở cơ sở

1. Chi tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm quản lý về hòa giải cơ sở, tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch công tác hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi tiêu tổ chức các hội thảo khoa học như sau:

a) Người chủ trì: 200.000 đồng/buổi.

b) Thư ký: 100.000 đồng/buổi.

c) Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng: tùy thuộc vào nội dung tham luận, mức chi tối đa là 500.000đ/bài.

d) Đại biểu được mời tham dự: 70.000 đồng/người/buổi.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác hòa giải ở cơ sở, các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

Điều 10. Chi tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát nhu cầu về tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, nghiệp vụ của cán bộ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở và hòa giải viên; thực hiện tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở; khảo sát mô hình tổ chức và kinh nghiệm hoạt động hòa giải ở cơ sở trong nước và nước ngoài

Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác hòa giải ở cơ sở, các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC.

Điều 11. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác hòa giải ở cơ sở

Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hằng năm về công tác hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC, Thông tư số 97/2010/TT-BTC và Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND. Một số nội dung chi và mức chi cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ tiền ăn cho thành viên đoàn kiểm tra: 50.000 đồng/người/buổi.
2. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra: 1.000.000 đồng/báo cáo.

Đối với đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định (*tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc*) cho các thành viên trong đoàn. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (*trong giấy mời, triệu tập*) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này.

Điều 12. Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác hòa giải ở cơ sở (nếu có)

1. Chi hoạt động của ban chỉ đạo các chương trình, đề án về hòa giải ở cơ sở: thực hiện theo Thông tư số 100/2014/TTLT-BTC-BTP và quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về mức chi bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các thành viên ban chỉ đạo, hội đồng và tổ tư vấn giúp việc.

2. Chi thực hiện thống kê, báo cáo đánh giá về công tác hòa giải ở cơ sở, bao gồm chi thống kê, thu thập, xử lý thông tin, số liệu từ báo cáo đánh giá của các quận, huyện:

a) Báo cáo định kỳ về công tác hòa giải ở cơ sở hàng năm: 1.500.000 đồng /báo cáo.

b) Báo cáo chuyên đề về công tác hòa giải ở cơ sở: 500.000 đồng/báo cáo.

c) Báo cáo đột xuất về công tác hòa giải ở cơ sở: 500.000 đồng/báo cáo.

3. Chi mua, thuê, sửa chữa trang thiết bị, tài sản, chi mua sách báo, tài liệu, văn phòng phẩm và một số khoản chi mua, thuê khác phục vụ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; trường hợp thuộc diện phải đấu thầu mua sắm thì thực hiện theo các quy định của pháp luật đấu thầu.

4. Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC.

5. Chi thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch công tác hòa giải ở cơ sở đã được phê duyệt ngoài việc thực hiện theo các nội dung chi và mức chi quy định tại Chương II Quyết định này, một số mức chi khác thực hiện theo Điểm r, Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

6. Chi hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (*bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết*) được thực hiện như sau:

a) Đối với người bị tai nạn có tham gia bảo hiểm y tế thì việc thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

b) Đối với người bị tai nạn không tham gia bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 22 Luật bảo hiểm y tế (*đã được sửa đổi, bổ sung*).

7. Chi hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT.

8. Chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về hòa giải ở cơ sở thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP.

9. Chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về hoạt động hòa giải ở cơ sở trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Xây dựng chương trình, chuyên mục, thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài phát thanh, đài truyền hình, tập san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin; thực hiện thông tin, truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở (*bao gồm biên soạn tin, bài phục vụ việc phát thanh; thù lao cho phát thanh viên*) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2014/TTLT-BTC-BTP.

10. Chi rà soát, thống kê, hệ thống hóa các văn bản, tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở, triển khai các nhiệm vụ của chương trình, đề án, kiến nghị hoàn thiện thể chế hòa giải ở cơ sở: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP.

11. Chi thực hiện các dự án từ nguồn tài trợ của nước ngoài căn cứ vào văn bản hợp tác quốc tế do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trong trường hợp các bên

không có thỏa thuận cụ thể về nội dung chi và mức chi thì có thể vận dụng các quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở

1. Việc lập dự toán ngân sách:

a) Lập dự toán ngân sách chi cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở:

Hàng năm, các sở, ngành, đoàn thể và các địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, các chương trình, đề án, kế hoạch về hòa giải ở cơ sở đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở của năm và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ban hành kế hoạch để làm căn cứ lập dự toán ngân sách.

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán kinh phí chi tiết cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao dự toán ngân sách hàng năm. Việc lập dự toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.

Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện đề án các cấp ở địa phương, căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch thực hiện đề án, lập dự toán thực hiện các nhiệm vụ của đề án, tổng hợp chung trong dự toán của cơ quan, tổ chức gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm để bảo đảm triển khai thực hiện.

b) Việc lập dự toán ngân sách chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải:

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của hòa giải viên và tổ hòa giải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2003/TT-BTC.

Về lập dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên, căn cứ vào nhiệm vụ công tác hòa giải trong năm kế hoạch và chế độ, chi tiêu tài chính hiện hành, công chức Tư pháp - Hộ tịch lập dự toán chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên, gửi Ủy ban nhân dân xã,

phường, thị trấn xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện để xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên.

Về lập dự toán kinh phí hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải, hàng năm, căn cứ thực tế hỗ trợ của năm trước, Ủy ban nhân dân quận, huyện lập dự toán kinh phí hỗ trợ để tổng hợp vào dự toán ngân sách cấp mình, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thực hiện phân bổ cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để chi trả tiền hỗ trợ theo quyết định của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Việc quản lý, chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác hòa giải được thực hiện như sau:

a) Việc quản lý, chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở được thực hiện theo chế độ và quy định quản lý tài chính hiện hành.

b) Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quyết toán kinh phí đã chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên trong quyết toán ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

c) Thủ tục cấp, chi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định hỗ trợ, Ủy ban nhân dân quận, huyện chuyển Quyết định hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đã ra quyết định công nhận hòa giải viên để thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Khoản 5, Điều 18 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập quyết toán kinh phí đã chi hỗ trợ trong quyết toán ngân sách hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Sở Tài chính và Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện Quy định này, thường xuyên kiểm tra, bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Lê Thanh Liêm